TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/DS-ST
Ngày: 29 / 10 / 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 411/2019/QDDST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1976; địa chỉ: số 83, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn:

- Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1968; địa chỉ: số 107, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: số 107, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L cho rằng, vào ngày 08/5/2005 âm lịch, bà L có cho ông K, bà P vay 15 chỉ vàng 24 kara. Khi cho vay, hai bên có lập biên nhận nhưng chỉ có ông K ký tên vào biên nhận. Nội dung biên nhận không thể

hiện lãi suất, thời hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận miệng về thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi 300.000 đồng/tháng.

Đến hạn, ông K trả lãi 300.000 đồng nhưng không trả nợ gốc. Khoảng nửa tháng sau, ông K trả 05 chỉ vàng rồi ngưng. Đến cuối năm 2017, ông K có trả thêm 01 chỉ vàng.

Đến nay, ông K còn nợ bà L 09 chỉ vàng 24 kara. Mặc dù, chỉ có ông K vay vàng và ký biên nhận nợ nhưng ông K và bà P là vợ chồng, vẫn còn chung sống với nhau, ông K vay vàng để làm vốn mua bán lúa gạo tạo thu nhập trong gia đình. Vì vậy, bà L yêu cầu ông K, bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 09 chỉ vàng 24 kara, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai ngày 13/5/2019 của bà Võ Thị Kim L; biên nhận ngày 08/5/2015 âm lịch có chữ ký và chữ viết họ tên người giao vàng Võ Thị Kim L, người nhận vàng Lê Tuấn K (bản photo).

- Bị đơn ông Lê Tuấn K, bà Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Tuấn K, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà P là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 08/5/2015, bà L cho ông K, bà P vay 15 chỉ vàng 24 kara, thời hạn vay 01 tháng, không thể hiện lãi suất nhưng thực tế trả lãi 300.000 đồng/tháng. Hai bên có lập biên nhận nhưng chỉ có ông K ký tên. Ông K đã trả 06 chỉ vàng, còn nợ lại 09 chỉ vàng 24 kara.

Đối với bà P, mặc dù, bà P không trực tiếp vay vàng nhưng đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K với bà P. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông K, bà L liên đới trả nợ vay 09 chỉ vàng 24 kara là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; buộc ông K, bà P trả cho bà L 09 chỉ vàng 24 kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Võ Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ông Lê Tuấn K và bà Nguyễn Thị P trả nợ vay. Ông K, bà P đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, ông K, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim L cho rằng, vào ngày 08/5/2005 âm lịch, bà L cho ông K, bà P vay 15 chỉ vàng 24 kara và có lập biên nhận thể hiện, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi 300.000 đồng/tháng. Đến hạn, ông K trả tiền lãi 300.000 đồng nhưng không trả nợ gốc. Sau đó, ông K trả cho bà L 02 lần được 06 chỉ vàng 24 kara rồi ngưng trả tiếp. Cho nên, ông K còn nợ lại bà L 09 chỉ vàng 24 kara.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án ban hành Thông báo số 11/TB-TA ngày 03/9/2019 yêu cầu ông K, bà P cung cấp lời khai đối với ý kiến, yêu cầu của bà L và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng ông K, bà P không thực hiện.

Trong khi đó, biên nhận nợ ngày 08/5/2005 âm lịch do bà L cung cấp thể hiện bà L có cho ông K, bà P vay 15 chỉ vàng 24 kara nhưng chỉ có chữ ký đề họ tên người nhận vàng là Lê Tuấn K, không có chữ ký của bà P. Đồng thời, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà P có cùng ông K vay vàng.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông K có vay của bà L 15 chỉ vàng 24 kara ngày 08/5/2005 âm lịch, đã trả 06 chỉ vàng 24 kara nên còn nợ lại 09 chỉ vàng 24 kara.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Mặc dù, bà P không cùng ông K xác lập hợp đồng vay tài sản với bà L nhưng hợp đồng vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bà P, ông K và ông K sử dụng vàng vay để làm vốn mua bán lúa gạo tạo thu nhập trong gia đình. Cho nên, có căn cứ xác định việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa ông K với bà L nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình của bà P, ông K.

Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu ông K, bà P liên đới trả số nợ còn lại, không yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và quy định về cho vay vàng giữa các cá nhân.

Vì vậy, buộc ông K, bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L nợ vay 09 chỉ vàng 24 kara.

[5] Về số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận:

Sau khi vay, ông K có trả lãi cho bà L được 300.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm xác lập hợp đồng vay vàng đến nay đã lâu nhưng ông K vẫn còn nợ nguyên đơn. Các đương sự không có yêu cầu đối với số tiền lãi mà bà L đã nhận. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K, bà P phải chịu án phí dân sự đối với số vàng phải trả cho bà L. Theo giá vàng niêm yết mua vào ngày 29/10/2019 trên địa bàn huyện Chợ Mới, vàng 24 kara có giá 41.300.000 đồng/lượng. Vì vậy, ông K, bà P phải chịu 1.858.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí 720.000 đồng mà bà L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L.

Buộc ông Lê Tuấn K, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Kim L số nợ vay *09 (chín) chỉ vàng 24 kara*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tuấn K và bà Nguyễn Thị P phải chịu *1.858.500 (một triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí *720.000 (bảy trăm hai mươi nghìn) đồng* mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013031 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Võ Thị Kim L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Tuấn K và bà Nguyễn Thị P được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình